

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2020/HS-ST

Ngày: 02-06-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Mạnh

Ông Điều Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 02/06/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2020/TLST-HS ngày 17/4/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HS ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện H đối với bị cáo:

Nguyễn P T, sinh năm 1984 tại Bình Phước.

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn P Th và bà Hoàng Thị D (ông Th, bà D đều đã chết); bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị Y P, sinh năm 1988 và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Trần Văn P, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ 3, ấp Quản Lợi B, xã Tân Lợi, huyện H, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn L, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ 3, ấp P Miêng, xã Tân Lợi, huyện H, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn P T, sinh năm 1980. Trú tại tổ 8, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị Y P, sinh năm 1988. Trú tại tổ 8, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

2. Anh Nguyễn Thành P, sinh năm 1985. Trú tại phường P Thịnh, thị xã B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

3. Anh Ngô Quang H, sinh năm 1986. Trú tại tổ 1, ấp Sở Xiêm, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

4. Anh Sơn Hồng N, sinh năm 1991. Trú tại tổ 3, khu phố P Hòa, phường P Thịnh, thị xã B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

5. Chị Nguyễn Hoàng Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1992. Trú tại tổ 2, khu phố P An, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 20/6/2019, Trần Văn L thuê xe ô tô cùng nhóm bạn gồm Trần Văn P, Sơn Hồng Nhật, Nguyễn Thành P, Ngô Quang H, Nguyễn Hoàng Lê Thị Ngọc N, Nguyễn Bảo T đi đến nhà bạn ở xã Đ, huyện H chơi. Đến khoảng 15h cùng ngày thì cả nhóm đi về. Khi đến trạm thu phí Tân K thuộc khu phố 1, thị trấn Tân K thì L nhớ Nguyễn P T trú Ti tổ 8, ấp X, xã T nợ mình số tiền 3.000.000đ chưa trả nên L nói với nhóm bạn ghé vào nhà T để đòi nợ.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, khi đến trước nhà T thì L nhìn thấy T và vợ là Nguyễn Thị Y P đang ngồi trong tiệm sửa xe mô tô của T. Lúc này L xuống xe vào nhà hỏi T “Tiền tôi còn 3 triệu sao không trả T?”. T nói “tôi đang kẹt, khi nào có tôi trả cho”, L nói “Bạn nói rõ thời hạn cụ thể chứ khi nào có là sao”. T trả lời “tôi đã nói khi nào có tôi trả”. Thấy vậy Y P nói “đã nói khi nào có trả cứ hỏi hoài”. Nghe thấy T, Y P cãi nhau với L nên Trần Văn P xuống xe đi vào nói với T “Bây giờ thiếu tiền người ta mà nói khi nào có trả là sao, phải có thời gian cụ thể chứ”, rồi P chửi vợ chồng T. T nói P “mày chửi ai vậy?” thì P nói “tao chửi mày chứ ai”. Lúc này T gọi điện thoại cho công an xã T thì P nghĩ T gọi người đến đánh nhau với nhóm của P nên thách thức T đồng thời P giơ tay định đánh Y P. Thấy vậy, T chạy vào nhà lấy dao với ý định ra đánh P. Khi thấy T chạy vào nhà, P cúi xuống nhặt 01 đĩa phanh xe mô tô (đường kính 22cm, màu trắng xám được hàn với một đoạn kim loại (dài 28cm) là dụng cụ dùng để sửa xe mô tô rồi P đi lùi ra Quốc lộ 13. Cùng lúc này Nguyễn P T (anh ruột của T) dẫn con là Nguyễn P Toàn, sinh năm 2009 đi đến nhà T chơi, thấy L và P đang đứng ngoài tiệm sửa xe chửi, riêng P đang cầm 01 đĩa phanh nên T nghĩ P đánh T, T lấy 01 đoạn cây khô dài 1,55m đánh 01 cái trúng vào vai làm P ngã xuống đất, nhưng không gây thương tích (lúc đánh P thì T không biết T đang ở đâu). Khi T vừa đánh P ngã xuống đất thì T cầm 01 con dao bằng kim loại màu xám đen dài 55,5cm phần cán dao bằng kim loại đường kính 2,5cm bên trong rỗng ruột dài 27,5cm, lưỡi dao dài 28cm, mũi dao bằng, lưỡi

dao sắc, chỗ rộng nhất 06cm, chỗ hẹp nhất 3,5cm từ trong nhà chạy ra chém nhiều cái trúng vào tay phải, vai phải, bàn chân phải của P. Thấy vậy T và Y P chạy đến can ngăn, còn P được đưa đi điều trị vết thương Ti bệnh viện đa khoa Mỹ Phước, tỉnh Bình Dương. Quá trình điều tra Nguyễn P T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 371/2019/TgT ngày 26/11/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Phước kết luận:

- + Sẹo vai phải, kích thước 7 x 0,4) cm mềm;
- + Sẹo Cẳng tay phải 1/3 trên- sau- ngoài, kích thước (8 x 0,3)cm, mềm;
- + Sẹo Cẳng tay phải 1/3 dưới- sau- ngoài, kích thước (4 x 0,3)cm, mềm;
- + Sẹo mặt lòng bàn tay trái, kích thước (1 x 0,2)cm, mềm;
- + Sẹo đốt 3 ngón II, bàn chân phải, kích thước (1 x 0,1)cm mềm;
- + Mề 1/3 dưới xương trụ phải.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện Ti của bị hại Trần Văn P là 11%.

Bản cáo trạng số 18/CT-VKSHQ ngày 15/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn P T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn P T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, 65 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn P T mức án từ 24 đến 26 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường cho bị hại số tiền chi phí điều trị thương tích, chi phí đi lại và tiền công lao động bị mất trong thời gian điều trị thương tích với số tiền còn lại là 45.000.000đ.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 con dao kim loại bằng kim loại màu xám đen dài 55,5 cm. 01 đoạn gỗ khô, mục, dài 1,35m và 01 cây gỗ khô, mục, dài 1,55m. 01 dụng cụ sửa xe máy được hàn bằng 01 phanh đĩa xe mô tô bằng kim loại màu trắng xám không còn giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa Bị cáo không tranh luận, bị cáo ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 16 giờ 30 ngày 20/6/2019, do mâu thuẫn trong chuyện đòi nợ của anh L giữa anh L, anh P và bị cáo Nguyễn P T. Trong lúc cự cãi Nguyễn P T đã dùng dao chém nhiều nhát vào tay phải, vai phải, bàn chân phải của P gây thương tích 11%.

[3] Xét lời khai nhận tội của Bị cáo là phù hợp với lời khai của Bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 371/2019/TgT ngày 26/11/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Phước và phù hợp với vật chứng là con dao thu giữ được trong vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn P T sử dụng hung khí nguy hiểm chém vào tay người bị hại gây ra thương tích có tỷ lệ tổn thương cơ thể 11% cho anh Trần Văn P đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”. Do đó, Cáo trạng số 18/CT-VKSHQ ngày 15/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn P T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự Ti địa phương. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, nhưng xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cần thiết xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất của hành vi và hậu quả bị cáo đã gây ra mới có tác dụng giáo dục Bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Khi lượng hình cũng xét thấy Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả một phần cho bị hại Trần Văn P. Do đó, cần áp dụng điểm b, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Mặt khác, bị cáo cũng được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định Ti khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, vì xét về lỗi thì bị hại cũng có một phần lỗi vì giữa bị hại và bị cáo không có mâu thuẫn, không có tranh chấp liên quan với nhau, khoản tiền mà bị cáo nợ là khoản nợ giữa bị cáo và anh Trần Văn L chứ không có nợ bị hại. Khi anh L và bị cáo đang tranh chấp về việc trả nợ, đồng thời vợ bị cáo đã nhắc nhở

việc nợ nần giữa anh L và bị cáo không có liên quan thì bị hại không những không hòa giải, khuyên can các bên, không nên tham gia vào nhưng bị hại vẫn trực tiếp đứng ra tố thái độ thách thức, cũng như có hành vi định đánh vợ của bị cáo, gây bức xúc cho bản thân bị cáo. Cần nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và lỗi của những người tham gia trong vụ án, HĐXX xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, chưa cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý giáo dục là phù hợp.

[5] Đối với hành vi dùng đoạn cây gỗ đánh anh Trần Văn P của anh Nguyễn P T, quá trình điều tra xác định giữa bị cáo và Nguyễn P T không có bàn bạc hoặc trao đổi với nhau để gây thương tích cho Trần Văn P do đó không có căn cứ xác định T có đồng phạm trong vụ án. Mặt khác, mặc dù Nguyễn P T có dùng cây gỗ đánh anh P nhưng không gây thương tích nên không có căn cứ xử lý về hành vi cố ý gây thương tích của Nguyễn P T.

[6] Đối với khoản tiền 3.000.000đ giữa bị cáo và anh Trần Văn L có tranh chấp, anh L xác định cho T luôn, không yêu cầu trả lại, đồng thời đây là giao dịch dân sự nên HĐXX không xem xét.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn P T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ cần chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Trần Văn P yêu cầu bị cáo Nguyễn P T phải bồi thường các khoản: Chi phí thuốc men điều trị; tiền công lao động; chi phí xe đi lại tái khám tổng cộng là 50.000.000đ. Nguyễn P T đã bồi thường trước được 5.000.000đ nên bị hại yêu cầu bồi thường tiếp số tiền 45.000.000đ còn lại. Tì phiên tòa, bị cáo Nguyễn P T đồng ý trả số tiền này cho bị hại nên cần ghi nhận, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại là có căn cứ.

[9] Xử lý vật chứng vụ án: 01 con dao bằng kim loại màu xám đen dài 55,5cm là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. 01 đoạn cây gỗ khô, mục, dài 1,35m và 01 đoạn cây gỗ khô, mục, dài 1,55m, 01 dụng cụ sửa xe máy được hàn bằng 01 phanh đĩa xe mô tô bằng kim loại màu trắng xám không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy là phù hợp.

[10] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn P T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn P T 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn P T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, nếu Bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định Ti Điều 56 của Bộ luật Hình sự 2015.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 590 Bộ luật dân sự 2015

Buộc bị cáo Nguyễn P T bồi thường cho bị hại anh Trần Văn P số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) bao gồm chi phí điều trị thương tích, chi phí đi lại và tiền công lao động bị mất trong thời gian điều trị thương tích.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Ti khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Ti Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao bằng kim loại màu xám đen dài 55,5cm; 01 đoạn cây gỗ khô, mục, dài 1,35m và 01 đoạn cây gỗ khô, mục, dài 1,55m, 01 dụng cụ sửa xe máy được hàn bằng 01 phanh đĩa xe mô tô bằng kim loại màu trắng xám

(Các vật chứng được liệt kê theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0005692 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước)

4. Án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn P T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự: Bị cáo Nguyễn P T phải chịu 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) án phí dân sự có giá ngạch

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Bị cáo, bị hại;
- Bộ phận HSNV CA H;
- Phòng HSNC CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu trữ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hồng